

CÂU ĐIỀU KIỆN



A. LÝ THUYẾT

1. Câu điều kiện là gì?

Trong tiếng Anh câu điều kiện dùng để diễn đạt, giải thích về một sự việc nào đó có thể xảy ra khi điều kiện nói đến xảy ra. Một câu điều kiện có hai mệnh đề.

- Mệnh đề chính hay gọi là mệnh đề kết quả.
- Mệnh đề chứa “if” là mệnh đề phụ hay mệnh đề điều kiện, nó nêu lên điều kiện để mệnh đề chính thành sự thật.

Thông thường mệnh đề chính sẽ đứng trước mệnh đề phụ đứng sau. Tuy nhiên, chúng ta có thể đảo mệnh đề phụ lên trước câu và thêm dấu phẩy vào sau mệnh đề phụ để ngăn cách giữa mệnh đề phụ và mệnh đề chính.

Ví dụ 1:

- If the weather is nice, I will go to Cat Ba tomorrow.
- If I were you, I would buy that laptop.
- I would have got better marks if I had learned hard.

2. Các loại câu điều kiện trong tiếng Anh

Tương ứng với các thời điểm điều kiện xảy ra, câu điều kiện cũng được phân loại thành các dạng dựa vào các mốc thời gian đó.

a) Câu điều kiện loại 0 (zero conditional)

Câu điều kiện loại 0 được sử dụng để diễn giải thích tình huống những tình huống được coi là chân lý, thường là những sự thật trong cuộc sống, ví dụ như khoa học.

Mệnh đề phụ	Mệnh đề chính
If + S + V (Hiện tại đơn)	S + V (Hiện tại đơn)

Ví dụ 2:

- If you freeze water, it becomes a solid.
- Plants die if they don't get enough water.
- If public transport is efficient, people stop using their cars.

Ngoài ra câu điều kiện loại 0 còn được sử dụng để đưa ra những lời chỉ dẫn, lời đề nghị.

Ví dụ 3:

- If Bill phones, tell him to meet me at the cinema.
- Ask Pete if you're not sure what to do.
- If you want to come, call me before 5:00.

Trong câu điều kiện loại 0, chúng ta có thể thay thế “if” bằng “when” mà không làm thay đổi ý nghĩa của câu nói:

- If you heat ice, it melts.
- ⇒ When you heat ice, it melts.
- Ice melts if you heat it.
- ⇒ Ice melts when you heat it.

b) Câu điều kiện loại 1

Câu điều kiện loại 1 dùng để diễn tả những sự việc có khả năng xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai và kết quả của nó.

Mệnh đề phụ	Mệnh đề chính
If + S + V (Hiện tại đơn)	S + will + V (Tương lai đơn)

Ví dụ 4:

- If you don't hurry, you will miss the bus.
- If I have time, I'll finish that letter.
- What will you do if you miss the plane?

Trong câu điều kiện loại 1, thay vì sử dụng thì tương lai chúng ta cũng có thể sử dụng các động từ khuyết thiếu để thể hiện mức độ chắc chắn hoặc đề nghị một kết quả nào đó:

- If you drop that glass, it might break.
- I may finish that letter if I have time.
- If he calls you, you should go.

c) Câu điều kiện loại 2

Câu điều kiện loại 2 được sử dụng để diễn tả những tình huống không có thật, không thể xảy ra trong tương lai và giả định kết quả nếu nó có thể xảy ra.

Mệnh đề phụ	Mệnh đề chính
If + S + V-ed (Quá khứ đơn)	S + would + V (dạng 1 lùi thì)

Ví dụ 5:

- If the weather wasn't so bad, we could go to the park.
- If I was the Queen of England, I might give everyone a chicken.
- I would be working in Italy if I spoke Italian.

d) Câu điều kiện loại 3

Câu điều kiện loại 3 được sử dụng để diễn tả những sự việc không xảy ra trong quá khứ và xác định kết quả nếu nó đã xảy ra. Cấu trúc câu này thường ám chỉ sự tiếc nuối hoặc lời trách móc.

Mệnh đề phụ	Mệnh đề chính
-------------	---------------

If + S + had + V-P_{II} (Quá khứ hoàn thành)	S + would + have + V-P_{II} (Dạng 2 lùi thì)
--	--

Ví dụ 6:

- If I had worked harder I could have passed the exam.
- If I had known you were coming I would have baked a cake.
- If she hadn't got a job in London, she would have married him.

e) Câu điều kiện hỗn hợp

Câu điều kiện hỗn hợp diễn tả những sự việc trái ngược với sự thật đã xảy ra trong quá khứ và giả định kết quả nếu những điều này thực sự đã xảy ra. Những kết quả này sẽ trái với sự thật ở hiện tại.

Mệnh đề phụ	Mệnh đề chính
If + S + had + V-P_{II} (Quá khứ hoàn thành)	S + would + V

Ví dụ 7:

- If I had studied I would have my driving license.
- I could be a millionaire now if I had taken that job.
- If you had spent all your money, you wouldn't buy this jacket.

3. Một số lưu ý về cách dùng câu điều kiện

- a) Trong câu điều kiện có mệnh đề phụ ở dạng phủ định, chúng ta có thể dùng “unless” thay cho “if not...”

Ví dụ 8:

- I will buy you a new laptop if you don't let me down.
⇒ *I will buy you a laptop unless you let me down.*
- I will go to Cao Bang tomorrow if it doesn't rain.
⇒ *I will go to Cao Bang tomorrow unless it rains.*
- Mary can't let you in if you don't give her the password.
⇒ *Mary can't let you in unless you give her the password.*

- b) Trong câu điều kiện loại I, chúng ta có thể sử dụng thì tương lai đơn trong mệnh đề phụ nếu mệnh đề phụ diễn ra sau khi mệnh đề chính diễn ra.

Ví dụ 9:

- If aspirin will ease my headache, I will take a couple tonight.
- If you will take me to the park at 9 a.m, I will wake you up at 8 a.m.
- If I will have English lesson this afternoon, I will book a grab to school now.

- c) Trong câu điều kiện loại 2, chúng ta sử dụng “were” thay cho “was”

Ví dụ 10:

- If I were you, I would never do that to her.
- If I were you, I would take part in this competition.
- If I were you, I would believe in her.

d) Cách dùng của câu điều kiện loại 2 và câu điều kiện loại 3 thường được sử dụng trong cấu trúc câu wish và cấu trúc câu would rather để thể hiện sự tiếc nuối hoặc ý trách móc ai đó đã hoặc không làm gì:

Ví dụ 11:

- If I had reviewed for the exam, I would not have got mark D!
⇒ *I wish I had reviewed for the exam.*
⇒ *I would rather I had reviewed for the exam.*
- If I had gone to that party, I could have met her.
⇒ *I wish I had gone to that party.*
⇒ *I would rather I had gone to that party.*

B. BÀI TẬP

Bài 1: Chọn đáp án đúng

1. Mary would have visited her old friend before if there _____ quite a lot of people there.
A. hadn't
B. wouldn't be
C. hadn't been
D. wasn't
2. If you had caught the bus, you _____ late for school.
A. wouldn't have been
B. wouldn't be
C. would be
D. would have been
3. If I _____, I would express my feelings to her.
A. were you
B. would be you
C. was you
D. am you
4. If _____ as I told her, she wouldn't have had many mistakes .
A. she has done
B. she does
C. she had done
D. she did
5. If the tree wasn't so high, the child _____ it up to take his kite down.
A. could have climbed
B. could climb
C. is climbing
D. climbed

Đáp án:

- | | |
|------|------|
| 1. C | 4. C |
| 2. A | 5. B |
| 3. A | |

Bài 2: Chọn đáp án đúng.

1. I would have visited you before if there _____ quite a lot of people in your house.
A. hadn't
B. hadn't been
C. wouldn't be
D. wasn't
2. If you had caught the bus, you _____ late for work.

- A. wouldn't have been
B. would have been
3. If I _____, I would express my feelings.
A. were asked
B. would ask
C. hadn't been asked
D. asked
4. If _____ as I told her, she would have succeeded.
A. she has done
B. she had done
C. she does
D. she did
5. Will you be angry if I _____ your pocket dictionary?
A. stole
B. have stolen
C. were to steal
D. steal
6. You made a mistake by telling her a lie. It _____ better if you _____ to her.
A. would have been/ hadn't lied
B. would be/ didn't lie
C. will be/ don't lie
D. would be/ hadn't lied
7. John would be taking a great risk if he _____ his money in that business.
A. would invest
B. invested
C. had invested
D. invests
8. She wouldn't have given them all that money if we _____ her to.
A. wouldn't advise
B. won't advise
C. hadn't advised
D. didn't advise
9. If the tree hadn't been so high, he _____ it up to take his kite down.
A. could have climbed
B. climb
C. is climbing
D. climbed
10. If the wall weren't so high, he _____ it up to take his ball down.
A. climbed
B. could climb
C. is climbing
D. climb
11. If I _____ her phone number, I _____ her last night
A. had known/ could have phoned
B. knew/ would have phoned
C. know/ can phone
D. knew/ could phone
12. If he _____ the truth, the police wouldn't arrest him.
A. tells
B. told
C. had told
D. would tell
13. If you press that button what _____?
A. would happen
B. would have happened
C. will happen
D. happen
14. She says if she _____ that the traffic lights were red she _____.
A. had realized/ would stop
B. realized/ could have stopped
C. has realized/ stopped
D. had realized/ would have stopped
15. I am very thin. I think, if I _____ smoking, I might get fat.

- A. stop
 - B. had stopped
 - C. will stop
 - D. stopped
16. If I _____ that yesterday, I _____ them.
- A. had discovered/ would inform
 - B. had discovered/ would have informed
 - C. had discovered/ could inform
 - D. discovered/ can inform
17. If you _____ to the course regularly, they _____ a certificate last year.
- A. go/ gave
 - B. go/ give
 - C. had gone/ would have given
 - D. went/ would give
18. I think he is not at home. If he _____ in, he _____ the phone.
- A. was/ answered
 - B. were/ would answer
 - C. were/ would have answered
 - D. had been/ would have answered
19. If I _____ in London now, I could visit British Museum.
- A. were
 - B. had been
 - C. have been
 - D. would be
20. If Columbus _____ money from Queen Isabella, he _____ across the Atlantic.
- A. do not receive/ could not sail
 - B. had not received/ might not have sailed
 - C. did not receive/ might not have sailed
 - D. would not receive/ might not sail

Đáp án:

1 - B	2 - A	3 - A	4 - B	5 - D	6 - A	7 - B	8 - C	9 - A	10 - B
11 - A	12 - B	13 - C	14 - D	15 - A	16 - B	17 - C	18 - B	19 - A	20 - B

Bài 3: Chọn đáp án đúng

1. If she the lottery last year, She rich now.
- A. have won/would be
 - B. had won/would be
 - C. won/would be
 - D. wins/will be
2. If I the homework last night, I..... bonus today.
- A. had done/would get
 - B. had done/would have got
 - C. done/would get
 - D. does/will get
3. If we had played this game yesterday, we..... a lot of money now.
- A. will have
 - B. may have
 - C. would have had
 - D. would have
4. If it last night, it would be cold today.
- A. had rained
 - B. rained
 - C. have rained
 - D. was raining
5. If she to me, she in trouble right now.
- A. had listened/would be
 - B. had listened/would have be
 - C. had listened/would not be
 - D. A & B
6. If it had rained one hour ago, the streets wet now.
- A. would have be
 - B. will be

- C. be D. would be
 7. If I to the beach yesterday, I would be tired today.
 A. have gone C. had gone
 B. goes D. A & B
 8. If they had gone to school yesterday, they to the museum now
 A. would go C. could go
 B. will go D. A&C
 9. If he had done exercise last night, he soccer right now.
 A. will play C. plays
 B. can play D. could play.
 10. If Nina had not gone out last week, she die now.
 A. will C. could
 B. would D. B&C

Đáp án:

1 - B	2 - A	3 - D	4 - A	5 - A	6 - D	7 - C	8 - D	9 - D	10 - D
-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	--------

Bài 4: Chia động từ trong ngoặc

1. If we meet at 9:30, we (*to have*) plenty of time.
2. Lisa would find the milk if she (*to look*) in the fridge.
3. The zookeeper would have punished her with a fine if she (*to feed*) the animals.
4. If you spoke louder, your classmates (*to understand*) you.
5. Dan (*to arrive*) safe if he drove slowly.
6. You (*to have*) no trouble at school if you had done your homework.
7. If you (*to swim*) in this lake, you'll shiver from cold.
8. The door will unlock if you (*to press*) the green button.
9. If Mel (*to ask*) her teacher, he'd have answered her questions.
10. I (*to call*) the office if I was/were you.

Đáp án:

1. If we meet at 9:30, we **will have** plenty of time.
2. Lisa would find the milk if she **looked** in the fridge.
3. The zookeeper would have punished her with a fine if she **had fed** the animals.
4. If you spoke louder, your classmates **would understand** you.
5. Dan **would arrive** safe if he drove slowly.
6. You **would have had** no trouble at school if you had done your homework.
7. If you **swim** in this lake, you'll shiver from cold.
8. The door will unlock if you **press** the green button.
9. If Mel **had asked** her teacher, he'd have answered her questions.
10. I **would call** the office if I was/were you.

Bài 5: Chuyển những câu sau sang câu điều kiện.

1. Stop talking or you will wake the children up.
→ If.....
2. I lost her number, so I didn't ring her up.
→ If.....
3. Mary got lost because she didn't have a map.
→ If
4. Linda felt sick because she ate lots of cakes.
→.....
5. June is so fat because of his eating so many chips.
→.....

Đáp án:

1. If you keep talking, you will wake the children up.
2. If I hadn't lost her number, I would have rung her up.
3. If Mary had had a map, she wouldn't have got lost.
4. If Linda hadn't eaten lots of cakes, she wouldn't have felt sick.
5. If June ate less chips, he wouldn't be fat.

Bài 6: Chia động từ trong ngoặc.

1. If they (listen) carefully, they might hear the woodpecker.
2. If I had lain down on the sofa, I (fall) asleep.
3. Ngoc could have worked as a model if she (be) taller.
4. The soil (not/dry out) if you water the plants regularly.
5. If you (give) the young boy this stick, he'd hurt himself.
6. We (not/take) the wrong tram if Dzung had asked the policewoman.
7. If the cat hides in the tree, the dog (not/find) it.
8. The students would have solved the problem if they (use) their textbooks.
9. If he washed his feet more often, his girlfriend (visit) him more often.
10. Manh (read) the newspaper if he went by train.

Đáp án:

- | | |
|----------------------|------------------------|
| 1. listened | 6. wouldn't have taken |
| 2. could have fallen | 7. won't find |
| 3. had been | 8. had used |
| 4. won't dry out | 9. would visit |
| 5. gave | 10. would read |

Bài 7: Hoàn thành câu với từ cho sẵn (chú ý chia động từ)

1. If/ you/ mix/ red/ blue/ get / purple.
2. If/ Arsenal/ win/ they/ be/ top/ the league.
3. It /rain/ we / cancel / the match.
4. You / take / first bus/ you/will/ get /there on time.
5. You / need more helpers/ I /can try / get some time off work.

6. Mary might / deliver your parcel / you /ask /her.
7. I / were / 20/ I would/ travel/ world
8. Jim / lent / us / car / we / could / go / party.
9. We / would / save £3.50 a day / we didn't / eat any lunch.
10. Burglars/ broke/ into my house/ they / find any money.

Đáp án:

1. If you mix red and blue, you get purple.
2. If Arsenal wins, they'll be top of the league.
3. If it rains, we will cancel the match.
4. If you take the first bus, you'll get there on time.
5. If you need more helpers, I can try and get some time off work.
6. Mary might deliver your parcel if you ask her.
7. If I were 20, I would travel the world.
8. If Jim lent us his car, we could go to the party.
9. We would save £3.50 a day if we didn't eat any lunch.
10. If burglars broke into my house, they wouldn't find any money.

Bài 8: Hoàn thành câu với từ cho sẵn

1. If we meet at 9:30, we (to have) plenty of time.
2. Lisa would find the milk if she (to look) in the fridge.
3. The zookeeper would have punished her with a fine if she (to feed) the animals.
4. If you spoke louder, your classmates (to understand) you.
5. Dan (to arrive) safe if he drove slowly.
6. You (to have) no trouble at school if you had done your homework.
7. If you (to swim) in this lake, you'll shiver from cold.
8. The door will unlock if you (to press) the green button.
9. If Mel (to ask) her teacher, he'd have answered her questions.
10. I (to call) the office if I was/were you.

Đáp án:

- | | |
|---------------------|-------------------|
| 1. will have | 6. would have had |
| 2. looked | 7. swim |
| 3. had fed | 8. press |
| 4. would understand | 9. had asked |
| 5. would arrive | 10. would call |

Bài 9: Hoàn thành câu với từ cho sẵn

1. If it (to be) warmer, we (to go) swimming.
2. My parents (to buy) this house if the man (not/to sell) it to someone else.
3. If he (not/to fail) his driving test, his parents (to lend) him their car.
4. If my uncle (to tell) me the way to his office, I (not/to arrive) so late.
5. She (to be) at the airport if she (to read) the message carefully.

6. Lucy (not/to hurt) her foot if she (not/to drop) the old box on it.
7. If you (to use) a sharp knife, you (not/to cut) yourself.
8. If Victoria (to celebrate) her birthday at home, I (to bring) her some flowers.
9. We (to take) the train to Edinburgh if it (to run) on time.
10. If Max (not/to forget) his schoolbag, he (to give) you your USB flash drive.

Đáp án:

1. If it had been warmer, we would have gone swimming.
2. My parents would have bought this house if the man had not sold it to someone else.
3. If he had not failed his driving test, his parents would have lent him their car.
4. If my uncle had told me the way to his office, I would not have arrived so late.
5. She would have been at the airport if she had read the message carefully.
6. Lucy would not have hurt her foot if she had not dropped the old box on it.
7. If you had used a sharp knife, you would not have cut yourself.
8. If Victoria had celebrated her birthday at home, I would have brought her some flowers.
9. We would have taken the train to Edinburgh if it had run on time.
10. If Max had not forgotten his schoolbag, he would have given you your USB flash drive.

Bài 10: Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc:

1. If I see him, I _____ (give) him a gift.
2. If I had a typewriter, I _____ (type) it myself.
3. If I had known that you were in hospital, I _____ (visit) you.
4. You could make better progress if you _____ (attend) class regularly.
5. If I _____ (know) his telephone number, I'd give it to you.
6. If you _____ (arrive) ten minutes earlier, you would have got a seat.
7. If he worked more slowly, he _____ (not make) so many mistakes.
8. I shouldn't drink that wine if I _____ (be) you.
9. If I _____ (find) a cheap room, I will stay a fortnight.
10. A lot of people _____ (be) out of work if the factory closed down.
11. I (have) plenty of money now if I (not/spend) so much yesterday.
12. If someone (give)you a boat, what you (do) ?
13. If you.....(press) CTRL + S, you.....(save) the file.
14. The children.....(be) happy if he.....(teach) them English.
15. If she.....(buy) a new hard disk, she.....(not/ lose) all data.

Đáp án:

- | | |
|-----------------------|------------------------------|
| 1. will give | 7. wouldn't make |
| 2. would type | 8. were |
| 3. would have visited | 9. find |
| 4. attended | 10. would be |
| 5. knew | 11. would have/ hadn't spent |
| 6. had arrived | 12. gives/ what will you do |

13. press/ save

15. had bought/ wouldn't have lost

14. would be/ taught

Bài 11: Bài tập chuyển sang câu điều kiện có đáp án.

1. Keep silent or you'll wake the baby up.

→ **If you don't keep silent, you will wake the baby up.**

2. Stop talking or you won't understand the lesson.

→ If.....

3. I don't know her number, so I don't ring her up.

→ If.....

4. I don't know the answer, so I can't tell you.

→ If

5. We got lost because we didn't have a map.

→ If

6. Susan felt sick because she ate four cream cakes.

→.....

7. Without this treatment, the patient would have died.

→.....

8. He lost his job because he was late every day.

→.....

9. Peter is fat because he eats so many chips.

→.....

10. Robert got a bad cough because he started smoking cigarettes.

→.....

Đáp án:

2. If you keep talking, you won't understand the lesson.

3. If I know her number, I will ring her up.

4. If I know the answer, I will tell you.

5. If we had had a map, we wouldn't have got lost.

6. If Susan hadn't eaten four cream cakes, she wouldn't have felt sick.

7. If we hadn't had this treatment, the patient would have died.

8. If he hadn't been late every day, he wouldn't have lost his job.

9. If Peter ate less chips, he wouldn't be fat.

10. If Robert hadn't started smoking cigarettes, he wouldn't have got a bad cough.

Bài 12: Điền vào chỗ trống

1. If you take my advice, you (be) happy.

2. What would you do if you (be) me?

3. If you (lend) me some books I will give them back in two weeks.

4. I (send) her a letter if I had found her address.

5. She (not/steal) the bread if she hadn't been hungry.

6. If she (come) here I will tell her about the film.
7. I will be unhappy if you (leave) me.
8. If you hadn't been so crazy you (not/buy) this expensive house.
9. If the sun (shine) I will go to the beach.
10. If I (win) the lottery I would leave my country.

Đáp án:

- | | |
|---|---|
| 1. will be | 6. comes |
| 2. were | 7. leave |
| 3. lend | 8. would not have bought / wouldn't have bought |
| 4. would have sent | 9. shines |
| 5. would not have stolen / wouldn't have stolen | 10. Won |

Bài 13: Điền vào chỗ trống

1. we (have) enough time if we wanted to see the castle?
2. In case you (buy) a car, will you teach me to drive?
3. If I..... (not be) in a hurry, I wouldn't have made so many mistakes.
4. She won't finish it on time if she (not start) right now.
5. She (get angry) if you had told her.
6. On condition that they(support) our product, they would get a discount.
7. Even if I(ask) him, he won't come.
8. Had I driven slowly, I(not crash)
9. It will be a disaster unless they (help) us.
10. If you (have) something to eat, you wouldn't have felt sick.
11. I wouldn't risk it if I (be) you.
12. She would get fat if she (not stop) eating.
13. The chicken wasn't good. It(taste) better if you had put some spices on it.

Đáp án:

- | | |
|-------------------|---------------------------|
| 1. Would ... have | 8. would not have crashed |
| 2. Buy | 9. help |
| 3. had not been | 10. had had |
| 4. does not start | 11. were |
| 5. would have got | 12. did not stop |
| 6. supported | 13. would have tasted |
| 7. ask | |

Bài 14: Tìm lỗi sai

1. What do (A) you do (B) if you won the first (C) prize of the lottery?
2. Would people be able(A) to fly (B), if they have (C) feathers instead of (D) hair?
3. George now(A) wishes he hasn't (B) broken (C) his encouragement with (D) Marian.
4. If Peter had been more (A) careful (B), he wouldn't break (C) the camera I lent (D) him.

5. He wouldn't have able(A) to pass (B) the test if his English hadn't been (C) good enough (D).
 6. If a drop(A) of oil is placed (B) in a glass of water, it would (C) float on (D) the surface.

Đáp án:

- | | |
|------------------------|---|
| 1. A (do → would) | 4. C (wouldn't break => wouldn't have broken) |
| 2. C (have → had) | 5. A (have able → have been able) |
| 3. B (hasn't → hadn't) | 6. C (would → will) |

Bài 15: Hoàn chỉnh các câu sau, sử dụng điều kiện loại 2

1. What/ happen/ if/ water pollution/ stop?
→ _____
2. We/ be/ happy/ if/ air pollution/ the world/ be/ a/ better place?
→ _____
3. If/ there/ be/ no more pollution/ the world/ be/ a better place?
→ _____
4. If/I/ be/ you/I/ take/ these bottles/ the bottle bank.
→ _____
5. If/ people/ not really care/ the environment/ they/ not try/ save it.
→ _____
6. The river/ not be/ so polluted/ if/ factories/ not dump/ waste/ it.
→ _____
7. We/ be/ less worried/ if/ oil spills/ not have/ such destructive effects.
→ _____
8. If/ we/ destroy/ the ozone layer/ what/ save/ us/ the UV rays?
→ _____

Đáp án:

1. What would happen if water pollution stopped?
2. We would be happy if air pollution was the only problem.
3. If there was no more pollution, would the world be a better place?
4. If I were you, I would take these bottles to the bottle bank.
5. If people didn't really care about the environment, they wouldn't try to save it.
6. The river wouldn't be so polluted if factories didn't dump waste into it.
7. We would be less worried if oil spills didn't have such destructive effects.
8. If we destroyed the ozone layer, what would save us from the UV rays?

Bài 16: Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc với câu điều kiện loại 1.

1. If I (study), I (pass) the exams.
2. If the sun (shine), we (walk) into town.
3. If he (have) a temperature, he (see) the doctor.
4. If my friends (come), I (be) very happy.
5. If she (earn) a lot of money, she (fly) to New York.

6. If we (travel) to Hanoi, we (visit) the museums.
7. If you (wear) sandals in the mountains, you (slip) on the rocks.
8. If Giang (forget) her homework, the teacher (give) her a low mark.
9. If they (go) to the disco, they (listen) to loud music.
10. If you (wait) a minute, I (ask) my parents.

Đáp án:

- | | |
|---------------------|----------------------|
| 1. study/will pass | 6. travel/will visit |
| 2. shines/will walk | 7. wear/may slip |
| 3. has/must see | 8. forgets/will give |
| 4. come/will be | 9. go/have to |
| 5. earns/will fly | 10. wait/will ask |

Bài 17: Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc với câu điều kiện loại 2

1. If I (come) home earlier, I (prepare) dinner.
2. If we (live) in HCMC, my boyfriend (visit) us.
3. If Tung and Thanh (be) older, they (play) in our football team.
4. If he (be) my friend, I (invite) him to my birthday party.
5. If Xuan (study) harder, she (be) better at school.
6. If they (have) enough money, they (buy) a new car.
7. If you (do) a paper round, you (earn) a little extra money.
8. If Minh (get) more pocket money, he (ask) Lam out for dinner.
9. If we (win) the lottery, we (fly) to London.
10. If I (meet) Brad Pitt, I (ask) for his autograph.

Đáp án:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| 1. came/would prepare | 6. had/could buy |
| 2. lived/would visit | 7. did/could earn |
| 3. were/would play | 8. got/could ask |
| 4. were/would invite | 9. won/would fly |
| 5. studied/would be | 10. met/would ask |

Bài 18: Hoàn thành các câu với nghĩa không đổi

1. Vegetarians don't eat meat.
→ If you're a vegetarian, _____
2. People who live in a cold country don't like hot weather.
→ If you live _____
3. Teachers have to work very hard.
→ If you're a teacher, _____
4. People who do a lot of exercise stay fit and healthy.
→ If you _____
5. Mechanics understand engines.
→ If you're a _____

6. People who read newspapers know what's happening in the world.
→ If you _____
7. What would you do if you found some buried treasure?
→ If you were _____
8. Working so much will make you tired
→ If you _____
9. We didn't visit the museum because we hadn't time
→ We would _____
10. Without you, I would have given up years ago
→ If it _____
11. We didn't go by air only because we hadn't enough money
→ If we _____
12. If by any chance you find my wallet, could you let me know?
→ If you should _____
13. I regret not studying hard last term
→ If only _____
14. He didn't work hard at school, so he didn't get a good job when he left
→ If _____
15. People don't do enough exercise, so there is a lot of heart disease
→ If people _____
16. Children have bad teeth because they eat too many sweets
→ Children would have better teeth if _____

Đáp án:

1. If you're a vegetarian, you won't eat meat.
2. If you live in a cold country, you won't like hot weather.
3. If you're a teacher, you will have to work very hard.
4. If you do a lot of exercise, you will stay fit and healthy.
5. If you're a mechanic, you will understand engines.
6. If you read newspapers, you will know what's happening in the world.
7. If you were to find some buried treasure, what would you do?
8. If you didn't work so much, you wouldn't be tired
9. We would have visited the museum if we had had time
10. If it hadn't been for you, I would have given up years ago
11. If we had had enough money, we would have gone by air
12. If you should find my wallet, could you let me know?
13. If only I had studied hard last term
14. If he had worked hard at school, he would have got a good job when he left
15. If people did enough exercise, they wouldn't have/ get heart disease
16. Children would have better teeth if they didn't eat too many sweets

Bài 19: Dựa vào những từ cho sẵn, viết thành câu hoàn chỉnh.

1. Jim/ always/ ask / me/ what/ I/ do/ if/ I / see/ shooting star
→ _____
2. My mother/ often/ add/ stick/ cinnamon/ in/ soup
→ _____
3. If/ you/ can/ not/drink/ black/ coffee/ ,/ you/ can/ add/ milk/ or/ sugar.
→ _____
4. How/ the/ cake/taste/ if/ we /add/ drop/ olive/ oil?
→ _____
5. My son/ not/ eat/ salad/ if/ there/ be/ tomatoes/ in/it.
→ _____
6. My sister/ often/ eat/ slices/ bread/ with/ strawberry/ jam/ for/ breakfast.
→ _____
7. Yesterday/ my/ mother/ and/ I/ buy/ some/ tin/ sardine/ and/ vegetables.
→ _____

Đáp án:

1. Jim always asks me what I will do if I see a shooting star.
2. My mother often adds some sticks of cinnamon in the soup.
3. If you can't drink black coffee, you can add some milk or sugar.
4. How will the cake taste if we add some drops of olive oil?
5. My son won't eat salad if there are tomatoes in it.
6. My sister often eats some slices of bread with some strawberry jam for breakfast.
7. Yesterday my mother and I bought some tins of sardine and some vegetables.